

Số: 1567/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 29 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định theo dõi, đánh giá, chấm điểm
và xếp loại chỉ số Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 431/TTr-SNV ngày 18 tháng 9 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định theo dõi, đánh giá, chấm điểm và xếp loại chỉ số Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / ns

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục Thuế tỉnh
- Kho bạc Nhà nước Đắk Nông;
- Bảo hiểm Xã hội tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông; Đài PTTH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã sao
gửi UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, HC, NC-Ph.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bôn

QUY ĐỊNH

**Theo dõi, đánh giá, chấm điểm và xếp loại
Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1567/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng trong công tác theo dõi, đánh giá, chấm điểm và xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, ngành (các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh).
2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã (gọi tắt là UBND cấp huyện).
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là UBND cấp xã).
4. Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh (Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Cục Thuế tỉnh).

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Xác định Chỉ số cải cách hành chính để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hàng năm của các Sở, Ban, ngành; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã (gọi tắt là các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh).

2. Yêu cầu

a) Chỉ số cải cách hành chính phải bám sát nội dung Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

b) Chỉ số cải cách hành chính phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của các cơ quan, đơn vị; việc đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai công tác cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

c) Tăng cường sự tham gia đánh giá của cá nhân, tổ chức đối với quá trình triển khai công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị.

d) Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất trong hệ thống cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Điều 3. Lĩnh vực đánh giá, chấm điểm

1. Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính.
2. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật.
3. Cải cách thủ tục hành chính.
4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính.
5. Xây dựng và nâng cao đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.
6. Cải cách tài chính công.
7. Hiện đại hóa nền hành chính.
8. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.
9. Điềm trừ, điềm cộng.

Điều 4. Nội dung Chỉ số cải cách hành chính.

1. Chỉ số CCHC cấp Sở (các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh): Gồm: 09 lĩnh vực, 37 tiêu chí và 47 tiêu chí thành phần (chi tiết tại Phụ lục số 01).

2. Chỉ số CCHC cấp huyện: Gồm 09 lĩnh vực, 38 tiêu chí và 48 tiêu chí thành phần (chi tiết tại Phụ lục số 02).

3. Chỉ số CCHC cấp xã: Gồm: 09 lĩnh vực, 33 tiêu chí và 41 tiêu chí thành phần (chi tiết tại Phụ lục số 03).

Điều 5. Cách tính điểm và chấm điểm

1. Thang điểm được tính là 100 điểm.

2. Cách tính điểm của mỗi tiêu chí, tiêu chí thành phần căn cứ vào kết quả, mức độ thực hiện từng nhiệm vụ được nêu tại các tài liệu kiểm chứng do cơ quan, đơn vị cung cấp.

Điểm tối đa các tiêu chí, tiêu chí thành phần được tính trong trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ ở mức độ cao nhất theo quy định.

Các nhiệm vụ không thực hiện hoặc thực hiện chưa đúng, không đầy đủ thì theo mức độ trừ đi số điểm tương ứng theo quy định.

3. Đối với cơ quan, đơn vị đã thực hiện nhiệm vụ trong thực tế chưa hoàn toàn phù hợp với tiêu chí, tiêu chí thành phần theo quy định nhưng có nội dung tương tự thì xác định kết quả của công việc tương tự và vận dụng để tính điểm cho tiêu chí, tiêu chí thành phần.

4. Khi tổng số điểm của một cơ quan, đơn vị có mức lẻ từ 0,25 đến dưới 0,5 điểm thì quy tròn thành 0,5 điểm; có điểm lẻ từ 0,75 đến dưới 1,0 điểm thì được quy tròn là 1,0.

Điều 6. Xếp loại

Xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, đơn vị gồm 05 loại: Xuất sắc, Tốt, Khá, Trung bình và Yếu.

1. Xếp loại Xuất sắc: Tổng số điểm từ 90 trở lên.
2. Xếp loại Tốt: Tổng số điểm từ 80 đến dưới 90 điểm.
3. Xếp loại Khá: Tổng số điểm từ 70 đến dưới 80 điểm.
4. Xếp loại Trung bình: Tổng số điểm từ 60 đến dưới 70 điểm.
5. Xếp loại Yếu: Tổng số điểm đạt dưới 60 điểm.

Điều 7. Thành lập Tổ tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại của đơn vị

Tổ tự đánh giá chấm điểm và xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của từng cơ quan, đơn vị do lãnh đạo cơ quan, đơn vị quyết định thành lập, có từ 3 đến 5 thành viên, cụ thể như sau:

1. Đối với các Sở, Ban, ngành, các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh: Thủ trưởng cơ quan làm Tổ trưởng, các thành viên gồm: Chánh Văn phòng hoặc Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Trưởng các phòng chuyên môn, công chức phụ trách công tác cải cách hành chính.

2. Đối với UBND cấp huyện: Chủ tịch UBND cấp huyện làm Tổ trưởng, các thành viên gồm: Chánh Văn phòng HĐND&UBND, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng các phòng chuyên môn có liên quan và công chức phụ trách công tác cải cách hành chính.

3. Đối với UBND cấp xã: Chủ tịch UBND cấp xã làm Tổ trưởng, các thành viên gồm: Công chức Văn phòng Thống kê, Tư pháp Hộ tịch và công chức chuyên môn khác.

Điều 8. Tự đánh giá chấm điểm và xếp loại

1. Việc tự đánh giá chấm điểm và xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị do Tổ tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại.

2. Các Sở, Ban, ngành; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; UBND cấp huyện thực hiện việc đánh giá, chấm điểm và xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị và gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo hướng dẫn hàng năm.

3. Đối với UBND cấp xã thực hiện việc đánh giá, chấm điểm và xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị và gửi về UBND cấp huyện, theo hướng dẫn hàng năm.

4. Việc tự đánh giá chấm điểm và xếp loại của các cơ quan, đơn vị bắt buộc phải có tài liệu kiểm chứng kèm theo để xác minh độ chính xác thông tin, nội dung của việc tự đánh giá, chấm điểm. Đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung tự đánh giá chấm điểm, xếp loại của cơ quan, đơn vị thì phải có báo cáo giải trình cụ thể bằng văn bản về cách đánh giá, chấm điểm.

Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại phải thể hiện đầy đủ các tiêu chí, điểm số thực tế của từng tiêu chí, kết quả thực hiện (ghi rõ số hiệu văn bản, số liệu cụ thể hoặc giải thích cách thức tính điểm vào cột tài liệu kiểm chứng) và xác định tổng số điểm đạt được.

Điều 9. Thẩm định và công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính

1. Hội đồng thẩm định cấp tỉnh do UBND tỉnh quyết định thành lập để thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh. Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Nội vụ làm Chủ tịch Hội đồng; Giám đốc Sở Tư pháp làm Phó Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông; Tài chính; Khoa học và Công nghệ và Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ làm thư ký.

2. Hội đồng thẩm định cấp huyện do UBND cấp huyện quyết định thành lập để thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính cấp xã. Hội đồng thẩm định cấp huyện do Chủ tịch UBND cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng; Trưởng phòng Nội vụ làm Phó Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm lãnh đạo các phòng chuyên môn trực thuộc; công chức phụ trách công tác cải cách hành chính làm thư ký.

3. Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trình UBND tỉnh quyết định công bố kết quả đánh giá, chấm điểm, xếp loại Chỉ số cải cách hành chính các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện, các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh.

4. Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng thẩm định cấp huyện trình UBND cấp huyện quyết định công bố kết quả đánh giá, xếp loại Chỉ số cải cách hành chính các xã, phường, thị trấn.

Điều 10. Thời gian đánh giá, thẩm định và công bố Chỉ số cải cách hành chính.

1. Đối với các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh thực hiện tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại, gửi báo cáo và tài liệu kiểm chứng về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

2. Đối với UBND cấp xã thực hiện tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại; gửi báo cáo và tài liệu kiểm chứng về UBND cấp huyện trước ngày 05 tháng 11 hàng năm để Hội đồng thẩm định cấp huyện thẩm định, đánh giá, xếp loại, công bố báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

3. Thời gian Hội đồng thẩm định cấp tỉnh hoàn thành việc đánh giá, thẩm định Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

4. Thời gian UBND tỉnh công bố kết quả đánh giá, xếp loại Chỉ số CCHC của các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các

Phụ lục 1

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP SỞ

(Kèm theo Quyết định số: 1567/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	17			
1,1	Kế hoạch CCHC năm	6			
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC kịp thời	2			
-	<i>Ban hành kế hoạch kịp thời (Trong Quý IV của năm liền kề năm kế hoạch)</i>	2			
-	<i>Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời</i>	0			
1.1.2	Chất lượng kế hoạch cải cách hành chính	1			
-	<i>Đạt yêu cầu theo quy định của Chính phủ, UBND tỉnh</i>	1			
-	<i>Không đạt yêu cầu theo quy định của Chính phủ, UBND tỉnh</i>	0			
1.1.3	Các kết quả phải xác định rõ ràng, cụ thể và phân công trách nhiệm triển khai thực hiện của cơ quan, đơn vị	1			
-	<i>Xác định cụ thể, rõ ràng các kết quả, trách nhiệm thực hiện</i>	1			
-	<i>Không xác định cụ thể, rõ ràng</i>	0			
1.1.4	Mức độ thực hiện Kế hoạch CCHC	2			
-	<i>Thực hiện đạt 100%</i>	2			
-	<i>Thực hiện từ 90% đến dưới 100%</i>	1			
-	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 90%</i>	0,5			
-	<i>Thực hiện dưới 80%</i>	0			
1,2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	2			
1.2.1	Số lượng báo cáo	1			
-	<i>Đầy đủ số lượng báo cáo</i>	1			
-	<i>Đạt 75% số lượng báo cáo</i>	0,5			
-	<i>Dưới 75% số lượng báo cáo</i>	0			
1.2.2	Tất cả các báo cáo đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	0,5			
-	<i>Tất cả các báo cáo đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn</i>	0,5			
-	<i>Nội dung báo cáo không đầy đủ theo hướng dẫn</i>	0			
1.2.3	Tất cả các báo cáo được gửi đúng thời gian quy định	0,5			
-	<i>Báo cáo gửi đúng thời gian quy định</i>	0,5			
-	<i>Không đúng thời gian quy định</i>	0			
1,3	Ban hành và thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác CCHC (Hoặc kế hoạch tự kiểm tra đối với các cơ quan không có đơn vị trực thuộc)	3			
1.3.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính	1			
-	<i>Kế hoạch kiểm tra từ 30% đơn vị trở lên</i>	1			
-	<i>Kế hoạch kiểm tra từ 20% đến dưới 30% các đơn vị</i>	0,5			
-	<i>Kế hoạch kiểm tra dưới 20% đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra</i>	0			
1.3.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch kiểm tra	1			
-	<i>Thực hiện 100% kế hoạch</i>	1			
-	<i>Thực hiện từ 90% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0,5			
-	<i>Thực hiện dưới 90% Kế hoạch hoặc không thực hiện Kế hoạch</i>	0			
1.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1			
-	<i>100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	1			
-	<i>Từ 80% đến dưới 100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0,5			
-	<i>Dưới 80% các vấn đề phát hiện được xử lý, kiến nghị xử lý hoặc không xử lý, kiến nghị xử lý.</i>	0			



1,4	Phân công trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	2			
1.4.1	Phân công nhiệm vụ rõ ràng, đúng quy định (có văn bản phân công)	1			
1.4.2	Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo điều hành để đẩy mạnh CCHC tại cơ quan, đơn vị theo quy định	1			
1.4.3	Không phân công trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (bằng văn bản) và chưa ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC	0			
1,5	Tổ chức làm việc tập thể theo định kỳ quý I, 6 tháng, quý III và hàng năm để xem xét, đánh giá công tác CCHC; gắn việc triển khai nhiệm vụ CCHC với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể, cá nhân	2			
-	<i>Thực hiện tốt, đầy đủ các nội dung trên</i>	2			
-	<i>Thực hiện chưa đầy đủ một trong các nội dung</i>	1			
-	<i>Không thực hiện các nội dung trên</i>	0			
1,6	Thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	2			
1.6.1	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền về CCHC (Ban hành riêng hoặc chung tại Kế hoạch CCHC năm)	1			
1.6.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1			
-	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	1			
-	<i>Từ 80% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0,5			
-	<i>Dưới 80% kế hoạch</i>	0			
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	9			
2,1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước	3			
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	2			
-	<i>100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ</i>	2			
-	<i>Từ 85% đến dưới 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ</i>	1			
-	<i>Từ 70% đến dưới 85 % số văn bản được ban hành đúng tiến độ</i>	0,5			
-	<i>Dưới 70% số văn bản được ban hành đúng tiến độ</i>	0			
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	1			
-	<i>100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình</i>	1			
-	<i>Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình</i>	0			
2,2	Theo dõi thi hành pháp luật	2,5			
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị	1			
-	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	1			
-	<i>Hoàn thành từ 85% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0,5			
-	<i>Hoàn thành từ 70% đến dưới 85% kế hoạch</i>	0,25			
-	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch</i>	0			
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0,5			
-	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định</i>	0,5			
-	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định</i>	0			
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1			
-	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	1			
-	<i>Từ 85% đến dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0,5			

-	Từ 70% đến dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,25		
-	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0		
2,3	Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	2		
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1		
-	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định	1		
-	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định	0		
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1		
-	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	1		
-	Từ 85% đến dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,5		
-	Từ 70% đến dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,25		
-	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0		
2,4	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật	1,5		
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5		
-	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định	0,5		
-	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định	0		
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
-	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	1		
-	Từ 85% đến dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,5		
-	Từ 70% đến dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,25		
-	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	15		
3,1	Kế hoạch cải cách TTHC, kiểm soát TTHC	2		
3.1.1	Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC	1		
-	Ban hành kế hoạch kịp thời	1		
-	Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời	0		
3.1.2	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC	1		
-	Đầy đủ, đúng thời gian quy định	1		
-	Không đầy đủ, không đúng thời gian quy định	0		
3,2	Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính	4		
3.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính	1		
-	Ban hành kế hoạch kịp thời	1		
-	Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời	0		
3.2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1		
-	Thực hiện hoàn thành 100% kế hoạch	1		
-	Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch	0,5		
-	Thực hiện dưới 80%	0		
3.2.3	Đề xuất phương án giảm thời gian giải quyết TTHC	2		
-	Có phương án giảm thời gian giải quyết TTHC	2		
-	Không có phương án giảm thời gian giải quyết TTHC	0		
3,3	Công bố TTHC đầy đủ, kịp thời	3		
3.3.1	Công bố đầy đủ TTHC (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được cập nhật và công bố	1,5		
-	Đầy đủ 100% TTHC	1,5		

-	Từ 90% đến dưới 100%	1		
-	Dưới 90%	0		
3.3.2	Công bố TTHC kịp thời thuộc lĩnh vực quản lý	1,5		
-	Đầy đủ 100% TTHC	1,5		
-	Từ 90% đến dưới 100%	1		
-	Dưới 90%	0		
3,4	Công khai TTHC	4		
3.4.1	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2		
-	Đầy đủ 100% TTHC	2		
-	Dưới 100% TTHC	0		
3.4.2	Công khai TTHC trên Trang thông tin điện tử	1		
-	Đầy đủ 100% TTHC	1		
-	Dưới 100% TTHC	0		
3.4.3	Công khai về mức phí, lệ phí	1		
-	Đầy đủ, chính xác	1		
-	Không đầy đủ, không chính xác	0		
3,5	Xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và hành vi hành chính	2		
-	Có 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời gian quy định	2		
-	Có từ 90% đến dưới 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời gian quy định	1		
-	Dưới 90% phản ánh, kiến nghị được xử lý	0		
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	9		
4,1	Tuân thủ các quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy	2		
-	Triển khai kịp thời, đúng các quy định, hướng dẫn của trung ương, của tỉnh	2		
-	Thực hiện không kịp thời hoặc chưa đúng quy định	0		
4,2	Rà soát chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, đánh giá quy chế làm việc của cơ quan, các đơn vị trực thuộc. Tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung để phù hợp	2		
-	Có triển khai rà soát, đánh giá	1		
-	Qua rà soát, đánh giá có đề xuất, kiến nghị	1		
-	Không triển khai thực hiện	0		
4,3	Rà soát, đánh giá chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và các nhiệm vụ đã được phân cấp quản lý. Đề xuất sửa đổi, bổ sung để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ	2		
-	Thực hiện đầy đủ các nội dung	2		
-	Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ	0		
4,4	Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	3		
-	Thực hiện 100%	3		
-	Thực hiện 90% đến dưới 100%	2		
-	Thực hiện 80% đến dưới 90%	1		
-	Thực hiện dưới 80%	0		
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	15		
5,1	Xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức	3		
-	Xây dựng và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	1		
-	Triển khai thực hiện đề án tại đơn vị	2		
-	Chưa xây dựng hoặc chưa thực hiện	0		

5,2	Xây dựng, ban hành và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị	2			
5.2.1	Ban hành kế hoạch đào tạo - bồi dưỡng CBCC, VC hàng năm theo quy định	1			
-	<i>Ban hành kế hoạch kịp thời</i>	1			
-	<i>Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời</i>	0			
5.2.2	Thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1			
-	<i>Thực hiện 100% kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng</i>	1			
-	<i>Thực hiện từ 90% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0,75			
-	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 90% kế hoạch</i>	0,5			
-	<i>Thực hiện dưới 80% kế hoạch hoặc không thực hiện</i>	0			
5,3	Tuyển dụng, bố trí và sử dụng công chức, viên chức	6			
5.3.1	Thực hiện việc tuyển dụng viên chức của đơn vị đúng quy định của trung ương, tỉnh	2			
-	<i>Ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức theo đúng quy định</i>	1			
-	<i>Công khai việc tuyển dụng viên chức: Đăng thông báo, kết quả tuyển dụng trên báo đài, website của tỉnh, của đơn vị theo quy định...</i>	1			
-	<i>Không ban hành kế hoạch hoặc thực hiện không đúng quy định về tuyển dụng viên chức</i>	0			
5.3.2	Bố trí công tác cho công chức, viên chức tập sự; bổ nhiệm chính thức vào ngạch công chức, viên chức đúng quy định	2			
-	<i>Thực hiện theo đúng quy định</i>	2			
-	<i>Thực hiện không đúng không đúng quy định</i>	0			
5.3.3	Cập nhật thường xuyên và đầy đủ thông tin về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức vào hệ thống phần mềm quản lý CBCC, VC của tỉnh	2			
-	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian quy định</i>	2			
-	<i>Thực hiện không đầy đủ và không đúng quy định</i>	0			
5,4	Thực hiện các chế độ, chính sách cho CBCC, VC (nâng ngạch, chuyên ngạch, tiền lương, BHXH, hưu trí...)	2			
-	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng chế độ, chính sách</i>	2			
-	<i>Thực hiện không đúng, không đầy đủ</i>	0			
5,5	Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ đối với cán bộ, công chức, viên chức	2			
5.5.1	Ban hành Kế hoạch theo quy định	1			
5.5.2	Thực hiện kế hoạch	1			
-	<i>Thực hiện đúng 100% kế hoạch và các quy định khác của trung ương, của tỉnh</i>	1			
-	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch trở lên</i>	0,5			
-	<i>Thực hiện dưới 80% kế hoạch</i>	0			
6	ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	5			
6,1	Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính	3			
-	<i>Đã triển khai thực hiện, tiết kiệm chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức</i>	3			
-	<i>Chưa triển khai thực hiện hoặc đã triển khai thực hiện nhưng không có hiệu quả</i>	0			
6,2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức khoa học, công nghệ công lập	2			
-	<i>Thực hiện ở 80% đơn vị sự nghiệp trực thuộc trở lên</i>	2			
-	<i>Triển khai dưới 80% số đơn vị sự nghiệp trực thuộc</i>	0			

7	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH	16		
7,1	Ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành	8		
7.1.1	Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị	1		
-	<i>Ban hành kịp tiến độ</i>	1		
-	<i>Ban hành không kịp tiến độ</i>	0		
7.1.2	Thực hiện kế hoạch	1		
-	<i>Thực hiện đạt 100% Kế hoạch</i>	1		
-	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0,5		
-	<i>Thực hiện dưới 80% hoặc không ban hành kế hoạch</i>	0		
7.1.3	Ứng dụng Phần mềm Văn phòng điện tử trong quản lý, điều hành	2		
-	<i>Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử đạt 100% theo quy định</i>	2		
-	<i>Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử 80% - dưới 100% theo quy định</i>	1		
-	<i>Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử 60% - dưới 80% theo quy định</i>	0,5		
-	<i>Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử dưới 60% theo quy định</i>	0		
7.1.4	Sử dụng hiệu quả Hộp thư điện tử công vụ tỉnh	1		
-	<i>100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng Hộp thư điện tử công vụ tỉnh</i>	1		
-	<i>Có 80% - dưới 100% cán bộ, viên chức sử dụng Hộp thư điện tử công vụ tỉnh</i>	0,5		
-	<i>Dưới 80% cán bộ, viên chức sử dụng Hộp thư điện tử công vụ tỉnh</i>	0		
7.1.5	Sử dụng chứng thư số, chữ ký số trao đổi văn bản điện tử	1		
-	<i>100% cán bộ lãnh đạo, quản lý sử dụng</i>	1		
-	<i>Dưới 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý sử dụng</i>	0		
7.1.6	Cung cấp các dịch vụ công trực tuyến trên mạng Internet	2		
-	<i>100% TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 2</i>	1		
-	<i>Có TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3</i>	0,5		
-	<i>Có TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4</i>	0,5		
7,2	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động	5		
-	<i>Có áp dụng, duy trì, cải tiến đạt loại tốt</i>	5		
-	<i>Có áp dụng, duy trì cải tiến đạt loại khá</i>	3		
-	<i>Có áp dụng, duy trì cải tiến đạt loại trung bình</i>	1		
-	<i>Không duy trì áp dụng, hoặc đạt loại yếu</i>	0		
7,3	Chất lượng Trang thông tin điện tử cơ quan	3		
-	<i>Cập nhật thường xuyên, đầy đủ, kịp thời các thông tin, thuận tiện trong truy cập và khai thác thông tin</i>	1		
-	<i>Có trang chuyên mục cài cách hành chính</i>	1		
-	<i>Đã làm thủ tục cấp phép theo quy định (đối với trang TTĐT tổng hợp)</i>	1		
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	12		
8,1	Bố trí phòng làm việc cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		
-	<i>Bố trí theo quy định</i>	1		
-	<i>Bố trí không đúng quy định</i>	0		
8,2	Bố trí công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		
-	<i>Bố trí theo quy định</i>	1		
-	<i>Bố trí không đúng quy định.</i>	0		
8.3	Thực hiện chế độ phụ cấp đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	1		

-	Theo quy định	1			
-	Không theo quy định	0			
8,4	Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa	3			
-	100% TTHC thuộc thẩm quyền thực hiện theo cơ chế một cửa	3			
-	Từ 90% đến dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền thực hiện theo cơ chế một cửa	2			
-	Dưới 90% TTHC thuộc thẩm quyền thực hiện theo cơ chế một cửa	0			
8,5	Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông theo quy định	2			
-	100% TTHC quy định liên thông thuộc thẩm quyền thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông	2			
-	Từ 90% đến dưới 100% TTHC quy định liên thông thuộc thẩm quyền thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông	1			
-	Dưới 90% TTHC thuộc thẩm quyền thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông	0			
8,6	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn tại cơ quan, đơn vị	4			
-	Trên 90% hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	4			
-	Từ 80% đến dưới 90% hồ sơ giải quyết đúng hạn	3			
-	Từ 70% đến dưới 80% hồ sơ giải quyết đúng hạn	1			
-	Dưới 70% hồ sơ giải quyết đúng hạn	0			
9	ĐIỂM CỘNG, ĐIỂM TRỪ				
9.1	Điểm cộng	2			
-	Có giải pháp, sáng kiến CCHC có tính đột phá (Là những giải pháp, biện pháp, mô hình, cách làm mới đã được áp dụng và đạt hiệu quả được cấp thẩm quyền phê duyệt và các cơ quan, đơn vị khác học tập)	2			
9.2	Điểm trừ	-3			
-	Báo cáo tự chấm điểm Chỉ số CCHC thiếu chính xác, sai số quá 5% so với điểm thẩm định	-1			
-	Thời gian gửi báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị chậm so với thời gian quy định	-2			
	Tổng cộng (Không bao gồm phần điểm trừ)	100			

Phụ lục 2

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số: 1567/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Điểm thâm định	Tài liệu kiểm chứng
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	17			
1,1	Ban hành kế hoạch CCHC	6			
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC kịp thời	2			
-	<i>Ban hành kế hoạch kịp thời (Trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)</i>	2			
-	<i>Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời</i>	0			
1.1.2	Chất lượng kế hoạch cải cách hành chính	1			
-	<i>Đạt yêu cầu theo quy định của Chính phủ, UBND tỉnh</i>	1			
-	<i>Không đạt yêu cầu theo quy định của Chính phủ, UBND tỉnh</i>	0			
1.1.3	Các kết quả phải xác định rõ ràng, cụ thể và xác định rõ trách nhiệm triển khai thực hiện của cơ quan, đơn vị	1			
-	<i>Xác định cụ thể, rõ ràng các kết quả và trách nhiệm thực hiện</i>	1			
-	<i>Không xác định cụ thể, rõ ràng</i>	0			
1.1.4	Mức độ thực hiện Kế hoạch CCHC	2			
-	<i>Thực hiện đạt 100%</i>	2			
-	<i>Thực hiện từ 90% đến dưới 100%</i>	1			
-	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 90%</i>	0,5			
-	<i>Thực hiện dưới 80%</i>	0			
1,2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	2			
1.2.1	Số lượng báo cáo	1			
-	<i>Đủ số lượng báo cáo</i>	1			
-	<i>Đạt 75% số lượng báo cáo</i>	0,5			
-	<i>Dưới 75% số lượng báo cáo</i>	0			
1.2.2	Tất cả các báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	0,5			
-	<i>Tất cả các báo cáo đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn</i>	0,5			
-	<i>Nội dung báo cáo không đầy đủ theo hướng dẫn</i>	0			
1.2.3	Tất cả các báo cáo được gửi đúng thời gian quy định	0,5			
-	<i>Báo cáo theo đúng thời gian quy định</i>	0,5			
-	<i>Không đúng thời gian quy định</i>	0			
1,3	Ban hành và thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác CCHC đối với các đơn vị trực thuộc	3			
1.3.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính	1			
-	<i>Kế hoạch kiểm tra từ 30% đơn vị trở lên</i>	1			
-	<i>Kế hoạch kiểm tra từ 20% đến dưới 30% các đơn vị</i>	0,5			
-	<i>Kế hoạch kiểm tra dưới 20% đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra</i>	0			
1.3.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch kiểm tra	1			
-	<i>Thực hiện 100% kế hoạch</i>	1			
-	<i>Thực hiện từ 90% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0,5			
-	<i>Thực hiện dưới 90% kế hoạch</i>	0			
1.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1			

-	100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	1			
-	Từ 80% đến dưới 100% vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,5			
-	Dưới 80% các vấn đề phát hiện được xử lý, kiến nghị xử lý hoặc không xử lý, kiến nghị xử lý	0			
1,4	Phân công trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	2			
1.4.1	Phân công nhiệm vụ rõ ràng, đúng quy định (có văn bản phân công)	1			
1.4.2	Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo điều hành để đẩy mạnh CCHC tại cơ quan, đơn vị theo quy định	1			
1.4.3	Không phân công trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (bằng văn bản) và chưa ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC	0			
1,5	Tổ chức làm việc tập thể theo định kỳ quý I, 6 tháng, quý III và năm để xem xét, đánh giá công tác CCHC; Gắn việc triển khai nhiệm vụ CCHC với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể, cá nhân	2			
-	Thực hiện tốt, đầy đủ các nội dung	2			
-	Thực hiện không đầy đủ một trong các nội dung	1			
-	Không thực hiện các nội dung trên	0			
1,6	Thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	2			
1.6.1	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền về CCHC (Ban hành riêng hoặc chung tại Kế hoạch CCHC năm)	1			
1.6.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1			
-	Hoàn thành 100% kế hoạch	1			
-	Từ 80% đến dưới 100% kế hoạch	0,5			
-	Dưới 80% kế hoạch	0			
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	9			
2,1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước	3			
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	2			
-	100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ	2			
-	Từ 85% đến dưới 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ	1			
-	Từ 70% đến dưới 85 % số văn bản được ban hành đúng tiến độ	0,5			
-	Dưới 70% số văn bản được ban hành đúng tiến độ	0			
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	1			
-	100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình	1			
-	Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình	0			
2,2	Theo dõi thi hành pháp luật	2,5			
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị	1			
-	Hoàn thành 100% kế hoạch	1			

-	Hoàn thành từ 85% đến dưới 100% kế hoạch	0,5		
-	Hoàn thành từ 70% đến dưới 85% kế hoạch	0,25		
-	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch	0		
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0,5		
-	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định	0,5		
-	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định	0		
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1		
-	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	1		
-	Từ 85% đến dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,5		
-	Từ 70% đến dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,25		
-	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0		
2,3	Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	2		
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1		
-	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định	1		
-	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định	0		
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1		
-	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	1		
-	Từ 85% đến dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,5		
-	Từ 70% đến dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,25		
-	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0		
2,4	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật	1,5		
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5		
-	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định	0,5		
-	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định	0		
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
-	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	1		
-	Từ 85% đến dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,5		
-	Từ 70% đến dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,25		
-	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	11		
3,1	Kế hoạch cải cách TTHC, kiểm soát TTHC	2		
3.1.1	Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC	1		
-	Ban hành Kế hoạch kịp thời	1		
-	Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời	0		
3.1.2	Báo cáo kết quả thực hiện kiểm soát TTHC	1		
-	Đầy đủ, đúng thời gian quy định	1		

-	<i>Không đầy đủ, không đúng thời gian quy định</i>	0		
3,2	Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính	4		
3.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính	1		
-	<i>Ban hành Kế hoạch kịp thời</i>	1		
-	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành</i>	0		
3.2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1		
-	<i>Thực hiện hoàn thành 100% kế hoạch</i>	1		
-	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0.5		
-	<i>Thực hiện dưới 80%</i>	0		
3.2.3	Đề xuất phương án giảm thời gian giải quyết TTHC	2		
-	<i>Có phương án giảm thời gian giải quyết TTHC</i>	2		
-	<i>Không có phương án giảm thời gian giải quyết TTHC</i>	0		
3,3	Công khai TTHC	3		
3.3.1	Công khai TTHC đầy đủ thuộc thẩm quyền tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		
-	<i>Đầy đủ 100% TTHC</i>	1		
-	<i>Dưới 100%</i>	0		
3.3.2	Công khai TTHC trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	1		
-	<i>Đầy đủ 100% TTHC</i>	1		
-	<i>Dưới 100% TTHC</i>	0		
3.3.3	Công khai về mức phí, lệ phí	1		
-	<i>Đầy đủ, chính xác</i>	1		
-	<i>Không đầy đủ, không chính xác</i>	0		
3,4	Xử lý, kiến nghị về quy định hành chính và hành vi hành chính	2		
-	<i>Có 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời gian quy định</i>	2		
-	<i>Có từ 90% đến dưới 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời gian quy định</i>	1		
-	<i>Dưới 90% phản ánh, kiến nghị được xử lý</i>	0		
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	9		
4,1	Thực hiện các quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy	2		
-	<i>Triển khai kịp thời, đúng các quy định, hướng dẫn của trung ương, của tỉnh</i>	2		
-	<i>Thực hiện không kịp thời hoặc chưa đúng quy định</i>	0		
4,2	Rà soát chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, đánh giá quy chế làm việc của các đơn vị trực thuộc và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung để phù hợp	2		
-	<i>Có triển khai rà soát, đánh giá</i>	1		
-	<i>Qua rà soát, đánh giá có đề xuất, kiến nghị</i>	1		
-	<i>Không triển khai thực hiện</i>	0		
4,3	Rà soát, đánh giá chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và các nhiệm vụ đã được phân cấp quản lý. Đề xuất sửa đổi, bổ sung để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.	2		
-	<i>Thực hiện đầy đủ các nội dung</i>	2		
-	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ một trong các nội dung</i>	0		

4,4	Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	3			
-	<i>Thực hiện 100%</i>	3			
-	<i>Thực hiện 90% đến dưới 100%</i>	2			
-	<i>Thực hiện 80% đến dưới 90%</i>	1			
-	<i>Thực hiện dưới 80%</i>	0			
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	18			
5,1	Xây dựng và thực hiện đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức	3			
-	<i>Đã thực hiện và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt</i>	1			
-	<i>Triển khai thực hiện Đề án</i>	2			
-	<i>Chưa xây dựng hoặc chưa thực hiện</i>	0			
5,2	Xây dựng, ban hành và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của đơn vị	2			
5.2.1	Ban hành quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC, VC hàng năm	1			
-	<i>Ban hành Kế hoạch kịp thời</i>	1			
-	<i>Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời</i>	0			
5.2.2	Thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC hàng năm	1			
-	<i>Thực hiện 100% kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng</i>	1			
-	<i>Thực hiện từ 90% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0,75			
-	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 90% kế hoạch</i>	0,5			
-	<i>Thực hiện dưới 80% kế hoạch hoặc không thực hiện</i>	0			
5,3	Tuyển dụng, bố trí và sử dụng công chức, viên chức	6			
5.3.1	Thực hiện việc tuyển dụng công chức, viên chức của đơn vị đúng quy định của trung ương, của tỉnh	2			
-	<i>Ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp và công chức cấp xã theo đúng quy định</i>	1			
-	<i>Công khai việc tuyển dụng viên chức, công chức cấp xã: Đăng thông báo, kết quả tuyển dụng trên báo đài, website của tỉnh theo quy định</i>	1			
-	<i>Không thực hiện theo quy định</i>	0			
5.3.2	Bố trí công tác cho công chức, viên chức tập sự; bổ nhiệm chính thức vào ngạch công chức, viên chức đúng quy định	2			
5.3.3	Cập nhật thường xuyên và đầy đủ thông tin về số lượng, chất lượng CBCC, VC vào hệ thống phần mềm quản lý CBCC, VC của tỉnh	2			
-	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định</i>	2			
-	<i>Thực hiện không đúng quy định</i>	0			
5,4	Thực hiện các chế độ, chính sách cho CBCC, VC (nâng ngạch, chuyển ngạch, tiền lương, BHXH, hưu trí...)	2			
-	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng chế độ, chính sách</i>	2			
-	<i>Thực hiện không đúng, không đầy đủ</i>	0			

5,5	Ban hành Kế hoạch và thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ đối với cán bộ, công chức, viên chức	2			
5.5.1	Ban hành kế hoạch theo quy định	1			
5.5.2	Thực hiện kế hoạch	1			
-	<i>Thực hiện đúng 100% kế hoạch</i>	1			
-	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch trở lên</i>	0,5			
-	<i>Thực hiện dưới 80% kế hoạch</i>	0			
5,6	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách cấp xã	3			
5.6.1	Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ chuyên trách cấp xã (chuẩn hóa về trình độ chuyên môn)	1			
-	<i>Trên 80% đạt chuẩn</i>	1			
-	<i>Từ 70% đến dưới 80% cán bộ chuyên trách cấp xã đạt chuẩn</i>	0,75			
-	<i>Từ 50% đến dưới 70% đạt chuẩn</i>	0,5			
-	<i>Dưới 50% đạt chuẩn</i>	0			
5.6.2	Chuẩn hóa đội ngũ công chức cấp xã (chuẩn hóa về trình độ chuyên môn)	1			
-	<i>Trên 90% đạt chuẩn</i>	1			
-	<i>Từ 80% đến dưới 90% đạt chuẩn</i>	0,5			
-	<i>Từ 70% đến dưới 80% đạt chuẩn</i>	0,25			
-	<i>Dưới 70% đạt chuẩn</i>	0			
5.6.3	Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn trong năm đối với cán bộ, công chức cấp xã	1			
-	<i>Đạt trên 80% số cán bộ, công chức</i>	1			
-	<i>Đạt từ 50% đến dưới 80% số cán bộ, công chức</i>	0,5			
-	<i>Đạt dưới 50% số cán bộ, công chức</i>	0			
6	ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	5			
6,1	Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước	3			
-	<i>Đã triển khai thực hiện, tiết kiệm chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức</i>	2			
-	<i>Chưa triển khai thực hiện hoặc đã triển khai thực hiện nhưng không có hiệu quả</i>	0			
6,2	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	2			
-	<i>Thực hiện ở 80% đơn vị sự nghiệp trực thuộc trở lên</i>	2			
-	<i>Triển khai dưới 80% số đơn vị sự nghiệp trực thuộc</i>	0			
7	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH	16			
7,1	Ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành	8			
7.1.1	Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị	1			
-	<i>Ban hành kịp tiến độ</i>	1			
-	<i>Ban hành không kịp tiến độ</i>	0			
7.1.2	Thực hiện kế hoạch	1			
-	<i>Thực hiện đạt 100% Kế hoạch</i>	1			
-	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0..5			

-	Thực hiện dưới 80% hoặc không ban hành kế hoạch	0			
7.1.3	Ứng dụng Phần mềm Văn phòng điện tử trong quản lý, điều hành	2			
-	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử đạt 100% theo quy định	2			
-	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử 80% - dưới 100% theo quy định	1			
-	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử 60% - dưới 80% theo quy định	0,5			
-	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử dưới 60% theo quy định	0			
7.1.4	Sử dụng hiệu quả Hộp thư điện tử điện tử công vụ tỉnh	1			
-	100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng Hộp thư điện tử công vụ tỉnh	1			
-	Có 80% - dưới 100% cán bộ, viên chức sử dụng Hộp thư điện tử công vụ tỉnh	0,5			
-	Dưới 80% cán bộ, viên chức sử dụng Hộp thư điện tử công vụ tỉnh	0			
7.1.5	Sử dụng chứng thư số, chữ ký số trao đổi văn bản điện tử	1			
-	100% cán bộ lãnh đạo, quản lý sử dụng	1			
-	Dưới 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý sử dụng	0			
7.1.6	Cung cấp các dịch vụ công trực tuyến trên mạng Internet	2			
-	100% TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 2	1			
-	Có TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3	0,5			
-	Có TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4	0,5			
7,2	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động	5			
-	Có áp dụng, duy trì, cải tiến đạt loại tốt	5			
-	Có áp dụng, duy trì cải tiến đạt loại khá	3			
-	Có áp dụng, duy trì cải tiến đạt loại trung bình	1			
-	Không duy trì áp dụng, hoặc đạt loại yếu	0			
7,3	Chất lượng Trang thông tin điện tử cơ quan	3			
-	Cập nhật thường xuyên, đầy đủ, kịp thời các thông tin, thuận tiện trong truy cập và khai thác thông tin	1			
-	Có trang chuyên mục cài cách hành chính	1			
-	Đã làm thủ tục cấp phép theo quy định (đối với trang	1			
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	13			
8,1	Bố trí phòng làm việc cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			
-	Bố trí theo quy định	1			
-	Bố trí không đúng quy định	0			
8,2	Bố trí công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			
-	Bố trí theo quy định	1			
-	Bố trí không đúng quy định.	0			
8.3	Thực hiện chế độ phụ cấp đối với công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	1			
-	Theo quy định	1			

-	<i>Không theo quy định</i>	0			
8,4	Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa	3			
-	<i>100% TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa</i>	3			
-	<i>Từ 90% đến dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền thực hiện theo cơ chế một cửa</i>	2			
-	<i>Dưới 90% TTHC thuộc thẩm quyền thực hiện theo cơ chế một cửa</i>	0			
8,5	Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông theo quy định	2			
-	<i>100% TTHC quy định liên thông thuộc thẩm quyền thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông</i>	2			
-	<i>Từ 90% đến dưới 100% TTHC quy định liên thông thuộc thẩm quyền thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông</i>	1			
-	<i>Dưới 90% TTHC quy định liên thông thuộc thẩm quyền thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông</i>	0			
8,6	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn tại cơ quan, đơn vị	4			
-	<i>Trên 90% hồ sơ giải quyết đúng hạn</i>	4			
-	<i>Từ 80% đến dưới 90% hồ sơ giải quyết đúng hạn</i>	3			
-	<i>Từ 70% đến dưới 80% hồ sơ giải quyết đúng hạn</i>	2			
-	<i>Dưới 70% hồ sơ giải quyết đúng hạn</i>	0			
8,7	Áp dụng phần mềm Một cửa điện tử	1			
-	<i>Áp dụng hiệu quả phần mềm Một cửa điện tử đạt yêu cầu và hiệu quả</i>	1			
-	<i>Áp dụng phần mềm Một cửa điện tử không hiệu quả</i>	0			
9	ĐIỂM CỘNG, ĐIỂM TRỪ				
9,1	Điểm cộng	2			
-	<i>Có giải pháp, sáng kiến CCHC có tính đột phá (Là những giải pháp, biện pháp, mô hình, cách làm mới đã được áp dụng và đạt hiệu quả được cấp thẩm quyền phê duyệt và các cơ quan, đơn vị khác học tập)</i>	2			
9,2	Điểm trừ	-3			
-	<i>Báo cáo tự chấm điểm Chỉ số CCHC thiếu chính xác, sai số quá 5% so với điểm thẩm định</i>	-1			
-	<i>Thời gian gửi báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị chậm so với thời gian quy định</i>	-2			
	Tổng cộng (Không bao gồm phần điểm trừ)	100			

Phụ lục 3

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ(Kèm theo Quyết định số: ~~1567~~ 70Đ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	17			
1,1	Ban hành và thực hiện kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị	6			
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC	2			
-	Ban hành Kế hoạch kịp thời (Trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)	2			
-	Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời	0			
1.1.2	Chất lượng kế hoạch cải cách hành chính	1			
-	Đạt yêu cầu theo quy định của Chính phủ, của UBND tỉnh	1			
-	Không đạt yêu cầu theo quy định của Chính phủ, của UBND tỉnh	0			
1.1.3	Các kết quả phải xác định rõ ràng, cụ thể và xác định rõ trách nhiệm triển khai thực hiện của cơ quan, đơn vị	1			
-	Xác định cụ thể, rõ ràng các kết quả và trách nhiệm thực hiện	1			
-	Không xác định cụ thể, rõ ràng	0			
1.1.4	Mức độ thực hiện Kế hoạch CCHC	2			
-	Thực hiện đạt 100%	2			
-	Thực hiện từ 90% đến dưới 100%	1			
-	Thực hiện từ 80% đến dưới 90%	0,5			
-	Thực hiện dưới 80%	0			
1,2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	2			
1.2.1	Số lượng báo cáo	1			
-	Đủ số lượng báo cáo	1			
-	Đạt 75% số lượng báo cáo	0,5			
-	Dưới 75% báo cáo	0			
1.2.2	Tất cả các báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	0,5			
-	Tất cả các báo cáo đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn	0,5			
-	Nội dung báo cáo không đầy đủ theo hướng dẫn	0			
1.2.3	Tất cả các báo cáo được gửi đúng thời gian quy định	0,5			
-	Báo cáo theo đúng thời gian quy định	0,5			
-	Không đúng thời gian quy định	0			
1,3	Ban hành và thực hiện kế hoạch tự kiểm tra công tác CCHC của đơn vị	3			
1.3.1	Ban hành Kế hoạch tự kiểm tra (Ban hành riêng hoặc chung tại Kế hoạch cải cách hành chính năm)	1			
-	Ban hành kịp thời	1			
-	Ban hành không kịp thời	0			
1.3.2	Mức độ thực hiện Kế hoạch tự kiểm tra	1			
-	Trên 80% đến 100% Kế hoạch	1			
-	Dưới 80% Kế hoạch	0			
1.3.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua công tác tự kiểm tra	1			
-	100% vấn đề phát hiện qua công tác tự kiểm tra được xử lý, kiến nghị đề xuất xử lý	1			
-	Phát hiện vấn đề nhưng không xử lý hoặc không kiến nghị xử lý	0			

1,4	Phân công trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện công tác CCHC	2			
1.4.1	Phân công nhiệm vụ rõ ràng, đúng quy định (<i>có văn bản phân công cụ thể</i>)	1			
1.4.2	Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo điều hành CCHC	1			
1.4.3	Nếu chưa có phân công trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (bằng văn bản) và chưa ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC	0			
1,5	Định kỳ họp đánh giá công tác CCHC	2			
-	<i>Thực hiện đúng theo định kỳ các nội dung trên</i>	2			
-	<i>Thực hiện không đầy đủ theo định kỳ</i>	1			
-	<i>Không tổ chức thực hiện</i>	0			
1,6	Thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	2			
1.6.1	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC (<i>Ban hành riêng hoặc chung tại kế hoạch CCHC</i>)	1			
-	<i>Ban hành kịp thời</i>	1			
-	<i>Ban hành không kịp thời</i>	0			
1.6.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1			
-	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	1			
-	<i>Từ 80% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0,5			
-	<i>Dưới 80% kế hoạch</i>	0			
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	9			
2,1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước	3			
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	2			
-	<i>100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ</i>	2			
-	<i>Từ 85% đến dưới 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ</i>	1			
-	<i>Từ 70% đến dưới 85 % số văn bản được ban hành đúng tiến độ</i>	0,5			
-	<i>Dưới 70% số văn bản được ban hành đúng tiến độ</i>	0			
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	1			
-	<i>100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình</i>	1			
-	<i>Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình</i>	0			
2,2	Theo dõi thi hành pháp luật	2,5			
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị	1			
-	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	1			
-	<i>Hoàn thành từ 85% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0,5			
-	<i>Hoàn thành từ 70% đến dưới 85% kế hoạch</i>	0,25			
-	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch</i>	0			
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0,5			
-	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định</i>	0,5			
-	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định</i>	0			
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1			
-	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	1			
-	<i>Từ 85% đến dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0,5			

-	Từ 70% đến dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,25		
-	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0		
2,3	Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	2		
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1		
-	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định	1		
-	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định	0		
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1		
-	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	1		
-	Từ 85% đến dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,5		
-	Từ 70% đến dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,25		
-	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0		
2,4	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật	1,5		
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5		
-	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định	0,5		
-	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định	0		
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
-	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	1		
-	Từ 85% đến dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,5		
-	Từ 70% đến dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,25		
-	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	12		
3,1	Kế hoạch cải cách TTHC, kiểm soát TTHC	2		
3.1.1	Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC	1		
-	Ban hành Kế hoạch kịp thời	1		
-	Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời	0		
3.1.2	Báo cáo kết quả thực hiện kiểm soát TTHC	1		
-	Đầy đủ, đúng thời gian quy định	1		
-	Không đầy đủ, không đúng thời gian quy định	0		
3,2	Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính	3		
3.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính	1		
-	Ban hành Kế hoạch kịp thời	1		
-	Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời	0		
3.2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1		
-	Thực hiện đạt trên 80% đến 100% kế hoạch	1		
-	Từ 70% đến dưới 80% kế hoạch	0,5		
-	Thực hiện dưới 70%	0		
3.2.3	Đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính	1		
-	Có phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định	1		
-	Không có phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định	0		
3,3	Công khai TTHC, phí, lệ phí	4		

3.3.1	Công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3			
-	100% TTHC được niêm yết, công khai	3			
	Từ 90% đến dưới 100% được niêm yết, công khai	2			
-	Dưới 90% được niêm yết, công khai	0			
3.3.2	Công khai về mức phí, lệ phí	1			
-	Đầy đủ, chính xác	1			
-	Không đầy đủ, không chính xác	0			
3,4	Xử lý, kiến nghị về quy định hành chính và hành vi hành chính	3			
-	100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời gian quy định	3			
-	Từ 80% đến dưới 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời gian quy định	2			
-	Dưới 80%	0			
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	8			
4,1	Bố trí cán bộ, công chức theo đúng quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy	2			
-	Triển khai kịp thời, đúng các quy định, hướng dẫn của cấp trên	2			
-	Thực hiện không kịp thời hoặc chưa đúng	0			
4,2	Lãnh đạo triển khai thực hiện đạt hiệu quả các quy chế dân chủ cơ sở	3			
-	Có triển khai thực hiện đạt hiệu quả	3			
-	Không triển khai thực hiện, hoặc triển khai không hiệu quả	0			
4,3	Kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm của cơ quan, đơn vị	3			
-	Hoàn thành nhiệm vụ 100%	3			
-	Hoàn thành nhiệm vụ từ 90% đến dưới 100%	2			
-	Hoàn thành nhiệm vụ từ 80% đến dưới 90%	1			
-	Thực hiện dưới 80%	0			
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC	13			
5,1	Cập nhật và báo cáo thường xuyên, đầy đủ theo định kỳ thông tin về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức tại đơn vị	3			
-	Thực hiện đầy đủ, thường xuyên	3			
-	Không thực hiện kịp thời hoặc thực hiện không đầy đủ	0			
5,2	Thực hiện các chế độ, chính sách cho CBCC (nâng ngạch, chuyển ngạch, tiền lương, BHXH, hưu trí...) theo đúng quy định	4			
-	Thực hiện đầy đủ, đúng chế độ, chính sách theo đúng quy định	4			
-	Thực hiện chưa đầy đủ và không kịp thời	2			
-	Không thực hiện kịp thời và không đầy đủ	0			
5,3	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã	6			
5.3.1	Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cấp xã (chuẩn hóa về trình độ chuyên môn)	2			
-	Trên 80% đạt chuẩn	2			
-	Từ 70% đến dưới 80% đạt chuẩn	1			
-	Từ 50% đến dưới 70% đạt chuẩn	0,5			
-	Dưới 50% đạt chuẩn	0			

5.3.2	Chuẩn hóa đội ngũ công chức cấp xã (chuẩn hóa về trình độ chuyên môn)	2			
-	<i>Trên 90% đạt chuẩn</i>	2			
-	<i>Từ 80% đến dưới 90% đạt chuẩn</i>	1			
-	<i>Từ 70% đến dưới 80% đạt chuẩn</i>	0,5			
-	<i>Dưới 70% đạt chuẩn</i>	0			
5.3.3	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	2			
-	<i>Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kịp thời</i>	1			
-	<i>Cử CBCC tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn trong năm do cơ quan cấp trên tổ chức</i>	1			
-	<i>Cử CBCC tham gia không đầy đủ</i>	0			
6	ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH	3			
6,1	Đã triển khai thực hiện, tiết kiệm chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức tại đơn vị	3			
6,2	Chưa triển khai thực hiện hoặc đã triển khai thực hiện nhưng không có hiệu quả	0			
7	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH	15			
7,1	Ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành	10			
7.1.1	Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị	1			
-	<i>Ban hành kịp tiến độ</i>	1			
-	<i>Ban hành không kịp tiến độ</i>	0			
7.1.2	Thực hiện kế hoạch	1			
-	<i>Thực hiện đạt 100% Kế hoạch</i>	1			
-	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0,5			
-	<i>Thực hiện dưới 80% hoặc không ban hành kế hoạch</i>	0			
7.1.3	Ứng dụng Phần mềm Văn phòng điện tử trong quản lý, điều hành	2			
-	<i>Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử đạt 100% theo quy định</i>	2			
-	<i>Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử 80% - dưới 100% theo quy định</i>	1			
-	<i>Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử 60% - dưới 80% theo quy định</i>	0,5			
-	<i>Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử dưới 60% theo quy định</i>	0			
7.1.4	Sử dụng hiệu quả Hộp thư điện tử điện tử công vụ tỉnh	1			
-	<i>100% cán bộ, công chức sử dụng Hộp thư điện tử công vụ tỉnh</i>	1			
-	<i>Có 80% - dưới 100% cán bộ sử dụng Hộp thư điện tử công vụ tỉnh</i>	0,5			
-	<i>Dưới 80% cán bộ sử dụng Hộp thư điện tử công vụ tỉnh</i>	0			
7.1.5	Sử dụng chứng thư số, chữ ký số trao đổi văn bản điện tử	1			
-	<i>100% cán bộ lãnh đạo, quản lý sử dụng</i>	1			
-	<i>Dưới 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý sử dụng</i>	0			
7.1.6	Nguồn nhân lực công nghệ thông tin	2			
-	<i>Bổ trí cán bộ chuyên trách tại cơ quan, đơn vị</i>	1			
-	<i>Chưa bổ trí cán bộ chuyên trách tại cơ quan, đơn vị</i>	0			
-	<i>Có cử cán bộ, công chức tham gia đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn về CNTT</i>	1			
-	<i>Không cử cán bộ, công chức tham gia đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn về CNTT</i>	0			
7.1.7	Hạ tầng ứng dụng CNTT	2			
-	<i>Trang bị 100% máy tính cho cán bộ, công chức</i>	2			

-	Trang bị 70% đến dưới 100% máy tính cho cán bộ, công chức	1		
-	Trang bị dưới 70% máy tính cho cán bộ, công chức	0		
7,2	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 trong hoạt động	5		
-	Có áp dụng, duy trì cải tiến đạt loại Tốt	5		
-	Có áp dụng, duy trì cải tiến đạt loại Khá	3		
-	Có áp dụng, duy trì cải tiến đạt loại Trung bình	1		
-	Không duy trì áp dụng, hoặc xếp loại yếu	0		
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	19		
8,1	Bố trí phòng làm việc cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		
-	Bố trí theo quy định	1		
-	Bố trí không theo quy định	0		
8,2	Bố trí công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo đúng quy định	2		
-	Bố trí theo quy định	2		
-	Bố trí không theo quy định	0		
8,3	Thực hiện chế độ phụ cấp đối với công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	1		
-	Thực hiện đầy đủ, kịp thời	1		
-	Thực hiện không đầy đủ	0		
8,4	Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa	5		
-	100% TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa	5		
-	Từ 90% đến 100% TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa	3		
-	Dưới 90% TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa	0		
8,5	Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông	3		
-	100% TTHC quy định liên thông, được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông	3		
-	Dưới 100% TTHC quy định liên thông, nhưng không thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông	0		
8,6	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn tại cơ quan, đơn vị	5		
-	Trên 90% hồ sơ giải quyết đúng hạn	5		
-	Từ 80% đến dưới 90% hồ sơ giải quyết đúng hạn	3		
-	Từ 70% đến dưới 80% hồ sơ giải quyết đúng hạn	1		
-	Dưới 70% hồ sơ giải quyết đúng hạn	0		
8,7	Triển khai một cửa điện tử hiện đại	2		
-	Triển khai hiệu quả	2		
-	Triển khai không hiệu quả	0		
9	ĐIỂM CỘNG, ĐIỂM TRỪ			
9,1	Điểm cộng	4		
-	Thực hiện mô tả vị trí việc làm của CBCC tại đơn vị	2		
-	Có giải pháp, sáng kiến CCHC có tính đột phá (Là những giải pháp, biện pháp, mô hình, cách làm mới được áp dụng và đem lại hiệu quả được cấp thẩm quyền phê duyệt và các đơn vị khác học tập)	2		
9,2	Điểm trừ	-4		
-	Báo cáo tự chấm điểm Chỉ số CCHC thiếu chính xác, sai số quá 5% so với điểm thẩm định	-2		
-	Thời gian gửi báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị chậm so với thời gian quy định từ 05 ngày trở lên	-2		
	Tổng cộng (Không bao gồm phần điểm trừ)	100		